

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM

VŨ TUẤN HƯNG*
NGUYỄN DANH NAM**

Biển Việt Nam đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước. Những năm gần đây, môi trường biển đang bị ảnh hưởng không ít bởi các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên để phục vụ cho phát triển kinh tế. Thực tế đó đòi hỏi cần có một công cụ đủ mạnh mang tính liên vùng, đảm bảo hài hòa giữa phát triển bền vững kinh tế biển trong thời gian tới gắn với bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái biển. Bài viết đưa ra vấn đề về phát triển kinh tế biển bền vững, định hướng phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường biển, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế biển bền vững ở Việt Nam.

Từ khóa: kinh tế biển, phát triển bền vững, định hướng phát triển kinh tế biển

Nhận bài ngày: 9/7/2021; *đưa vào biên tập:* 15/7/2021; *phản biện:* 19/7/2021; *duyet đăng:* 9/9/2021

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là quốc gia ven biển nằm trong khu vực trung tâm của Đông Nam Á và bên bờ Tây của Biển Đông, có vị trí địa chính trị và địa kinh tế đặc biệt quan trọng. Sở hữu đường bờ biển dài hơn 3.260km trải dài từ Bắc vào Nam, có vùng biển rộng trên 1 triệu km² (gấp 3 lần diện tích đất liền)

đứng thứ 27 trong số 157 quốc gia ven biển và các quốc đảo trên thế giới. Việt Nam có 28/63 tỉnh, thành phố ven biển, chiếm 42% diện tích và 45% dân số cả nước với khoảng 15,5 triệu người sống gần bờ biển và hơn 175.000 người sống ở các vùng đảo.

Ý nghĩa kinh tế lớn nhất của biển đảo không chỉ là các giá trị vật chất mà còn có ý nghĩa chiến lược, là cầu nối vươn ra biển, là điểm tựa khai thác các nguồn lợi biển, là những điểm tiền tiêu bảo vệ Tổ quốc. Nhờ có hệ thống

* Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường.

đảo ven bờ được vận dụng làm các điểm cơ sở của hệ thống đường cơ sở thẳng nên đã tạo ra vùng nội thủy rộng lớn, do đó vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa cũng được mở rộng ra hướng biển. Về giá trị văn hóa, hệ thống đảo tạo nên những cảnh quan thiên nhiên như những di sản văn hóa có sức thu hút mạnh đối với du khách. Biển đảo Việt Nam mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới nên sinh vật biển phát triển tốt, biển có tài nguyên sinh vật và khoáng sản phong phú, đa dạng và quý hiếm; có tiềm năng phát triển kinh tế biển như đóng tàu, vận tải đường biển, phát triển cảng và công trình thủy, khai thác thủy hải sản, khai thác tài nguyên khoáng sản biển và dầu khí, du lịch biển và hải đảo, dịch vụ đường biển. Hiện nay, tỷ trọng các ngành kinh tế biển và liên quan đến biển của Việt Nam chiếm khoảng 48% GDP của cả nước (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2020).

Tuy nhiên, cho đến nay, do nhiều nguyên nhân khác nhau, kinh tế biển của Việt Nam vẫn chưa thực sự hiệu quả so với tiềm năng của biển mang lại. Theo đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu, Việt Nam chủ yếu vẫn chỉ khai thác tài nguyên biển theo dạng thô, trình độ công nghệ còn hạn chế, chưa tạo được giá trị gia tăng lớn cho các ngành kinh tế biển. Khai thác hàng hải, cảng biển và du lịch có sức cạnh tranh kém so với các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển kinh tế biển và hải đảo một

cách ồ ạt, nguy cơ gây ô nhiễm và suy thoái môi trường biển cũng không ngừng gia tăng, tính chất ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường sinh thái và nhiều mặt của đời sống xã hội.

Xuất phát từ thực tiễn trên, mục đích của bài viết nhằm xem xét các chủ trương, định hướng và phân tích thực trạng hoạt động phát triển kinh tế biển Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp cho phát triển bền vững kinh tế biển.

2. KHÁI LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN

2.1. Phát triển bền vững

Phát triển bền vững là thuật ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong bản “Chiến lược bảo tồn thế giới” của Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) với nội dung: “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học”. Tổ chức Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) định nghĩa “Phát triển bền vững là một loại hình phát triển mới, lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường. Phát triển bền vững cần phải đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng của chúng ta đáp ứng các nhu cầu của thế hệ trong tương lai”. Đây được xem là một nguyên tắc chủ đạo cho các chương trình hoạt động cũng như một cam kết về mục tiêu theo đuổi của các tổ chức

kinh tế quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Liên hiệp quốc (UN),... và các chính phủ của các quốc gia trên thế giới.

Ở cấp độ vi mô, Drexhage và Murphy (2010) cho rằng, phát triển bền vững được xem là một tiêu chí cần phải đáp ứng của bất kỳ hoạt động đầu tư, sản xuất và kinh doanh nào của các doanh nghiệp và là một thước đo phản ánh trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Hầu hết chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp các quốc gia phát triển và các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ trong nhóm BRICS (bao gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi) đều cho rằng tăng trưởng kinh tế ổn định và được duy trì chính là động lực và là nền tảng để xóa đói nghèo và cải thiện môi trường, nghĩa là hai vấn đề tăng trưởng và môi trường không mâu thuẫn với nhau, ngược lại chúng mang tính bổ sung cho nhau. Điều này được minh chứng bằng các động thái nỗ lực gia tăng ngân sách chi cho năng lượng sạch, cải thiện môi trường và ban hành chính sách bảo vệ môi trường của các quốc gia kể trên.

Tại Việt Nam, chủ đề phát triển bền vững cũng đã được chú ý nhiều trong giới nghiên cứu cũng như những nhà hoạch định đường lối, chính sách. Quan niệm về phát triển bền vững được tiếp cận theo hai khía cạnh: Thứ nhất, phát triển bền vững là phát triển

trong mối quan hệ duy trì những giá trị môi trường sống, coi giá trị môi trường sinh thái là một trong những yếu tố cấu thành những giá trị cao nhất cần đạt tới của sự phát triển. Thứ hai, phát triển bền vững là sự phát triển dài hạn, cho hôm nay và cho mai sau; phát triển hôm nay không làm ảnh hưởng tới mai sau. Trong Mục 4, Điều 3, Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam, “phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường” (Quốc hội Việt Nam, 2014). Quy định này có tính tổng quát, nêu bật những yêu cầu và mục tiêu trọng yếu nhất của phát triển bền vững, phù hợp với điều kiện và tình hình ở Việt Nam.

2.2. Kinh tế biển

Theo quan điểm về kinh tế biển đã được đề cập trong Nghị Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, kinh tế biển hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế diễn ra trên đất liền nhưng trực tiếp liên quan đến khai thác biển.

- Các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, chủ yếu bao gồm: (1) Kinh tế hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển); (2) Hải sản (đánh bắt và nuôi trồng hải sản); (3) Khai thác dầu khí ngoài khơi; (4) Du lịch biển; (5) Làm

muối; (6) Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; và (7) Kinh tế đảo.

- Các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển, tuy không phải diễn ra trên biển nhưng những hoạt động kinh tế này là nhờ vào yếu tố biển hoặc trực tiếp phục vụ các hoạt động kinh tế biển ở dải đất liền ven biển, bao gồm: (1) Đóng và sửa chữa tàu biển (hoạt động này cũng được xếp chung vào lĩnh vực kinh tế hàng hải); (2) Công nghiệp chế biến dầu, khí; (3) Công nghiệp chế biến thủy, hải sản; (4) Cung cấp dịch vụ biển; (5) Thông tin liên lạc biển; (6) Nghiên cứu khoa học - công nghệ biển; (7) Đào tạo nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển; (8) Điều tra cơ bản về tài nguyên - môi trường biển; và (9) Năng lượng tái tạo khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng khác.

Theo Điều 43, Luật Biển Việt Nam thì kinh tế biển bao gồm các ngành: (i) Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu, khí và các loại tài nguyên, khoáng sản biển; (ii) Vận tải biển, cảng biển, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, phương tiện đi biển và các dịch vụ hàng hải khác; (iii) Du lịch biển và kinh tế đảo; (iv) Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; (v) Phát triển, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ về khai thác và phát triển kinh tế biển; (vi) Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực biển (Quốc hội Việt Nam, 2014).

2.3. Phát triển bền vững kinh tế biển

Theo Trần Nguyễn Tuyên (2006), “phát triển bền vững kinh tế biển là phát triển trong đó tốc độ, chất lượng kinh tế biển được duy trì cao và ổn định, đảm bảo yêu cầu về sự hài hòa giữa các mặt kinh tế, xã hội và môi trường”.

Ngày nay tình hình chính trị trên thế giới, đặc biệt trên các vùng biển rất phức tạp. Sự tranh chấp lãnh hải, chủ quyền, quyền chủ quyền trên biển là mối quan tâm của tất cả các quốc gia có liên quan, vì thế việc phát triển bền vững kinh tế biển không thể tách rời hoạt động an ninh quốc phòng của mỗi quốc gia. Do đó, có thể nhận định “Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững là phát triển trong đó tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế biển được duy trì cao và ổn định, đảm bảo yêu cầu về sự hài hòa giữa các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và đảm bảo an ninh - quốc phòng”.

Theo Điều 42, Luật Biển Việt Nam thì phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững cần tuân thủ những nguyên tắc: phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; gắn với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn trên biển; phù hợp với yêu cầu quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; gắn với phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển và hải đảo.

Huỳnh Văn Đăng (2018) nhận định, “phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của con người trong khai thác

vùng biển và đất liền ven biển mà vẫn bảo đảm những khả năng đáp ứng nhu cầu cho thế hệ tương lai. Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững luôn đảm bảo yêu cầu về sự hài hòa giữa các mặt kinh tế, xã hội, môi trường”.

Trong bài viết, theo chúng tôi, phát triển bền vững kinh tế biển là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển. Đó là phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường biển.

3. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐẢNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN THỜI GIAN QUA

Đẩy mạnh chủ trương lớn xây dựng Việt Nam trở thành một nước mạnh về biển, phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo, ven biển phải gắn kết với yêu cầu bảo vệ đất nước, có thể thấy rõ hơn chủ trương rất quan trọng là: cần đặt kinh tế biển trong tổng thể kinh tế cả nước, trong quan hệ tương tác với các vùng và trong xu thế hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đưa ra định hướng phát triển biển là:

Thứ nhất, xây dựng các trung tâm kinh tế biển: trung tâm kinh tế biển là các khu đô thị nằm trên các vùng ven biển, các hải đảo quan trọng có dân số và nguồn lực, bao gồm cả cơ sở vật chất, kỹ thuật và lao động nghề biển có khả năng vận dụng nguồn lực

để khai thác có hiệu quả tài nguyên biển, ven biển và hải đảo.

Thứ hai, xây dựng hệ thống các khu kinh tế, khu công nghiệp và các cảng biển, để tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật cho kinh tế biển như: đóng tàu, các phương tiện vật tư, kỹ thuật phục vụ cho khai thác, đánh bắt hải sản; phục vụ khai thác tiềm năng du lịch, vận tải biển; và là nơi trung chuyển, chế biến các sản phẩm được khai thác từ biển. Vì thế, Nghị quyết Đại hội đã nhấn mạnh: “Xây dựng hợp lý hệ thống cảng biển, các khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị ven biển gắn với phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, khai thác, chế biến dầu khí, vận tải biển, du lịch biển,...”.

Thứ ba, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp, đóng tàu, chế biến và dịch vụ kinh tế biển. Các ngành công nghiệp, đóng tàu, chế biến và dịch vụ kinh tế biển có thể coi là một trong những ngành có tiềm năng, là mũi nhọn và là động lực quan trọng của kinh tế biển Việt Nam. Trong những năm vừa qua, các ngành kinh tế nêu trên cũng đã có bước tiến quan trọng nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế biển nước ta. Vì thế, trong Nghị quyết Đại hội đã nhấn mạnh: “Phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, đóng tàu, xi măng, chế biến thủy sản chất lượng cao... gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu,

du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ cảng và vận tải biển, sông - biển; phát triển các đội tàu, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển... Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo”.

Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X cũng đã thông qua Nghị quyết về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 (Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 9/02/2007), nhằm đáp ứng yêu cầu nêu trên. Quan điểm chỉ đạo được nêu trong phần định hướng Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 là “nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn”. Phần đầu đến năm 2020, kinh tế biển đóng góp khoảng 45-50% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống của nhân dân vùng biển và ven biển. Để đạt được mục tiêu tổng quát nêu trên, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ chiến lược quan trọng. Trong đó, nhiệm vụ chiến lược kinh tế “làm giàu từ biển” được chỉ đạo bởi quan điểm: kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp

hóa, hiện đại hóa. Sự phát triển các ngành kinh tế biển được gắn kết hữu cơ với nhau trên cơ sở phát huy cao nhất lợi thế của mỗi ngành.

Nghị quyết số 36-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định các mục tiêu cụ thể:

- *Các chỉ tiêu tổng hợp*: Các chỉ tiêu về quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ theo chuẩn mực quốc tế đạt mức thuộc nhóm nước trung bình cao trở lên trên thế giới. Hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến biển, đảo được thực hiện theo nguyên tắc quản lý tổng hợp phù hợp với hệ sinh thái biển.

- *Về kinh tế biển*: Các ngành kinh tế thuần biển đóng góp khoảng 10% GDP cả nước; kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển ước đạt 65-70% GDP cả nước. Các ngành kinh tế biển phát triển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế; kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

- *Về xã hội*: Chỉ số phát triển con người (HDI) của các tỉnh, thành phố ven biển cao hơn mức trung bình của cả nước; thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh, thành phố ven biển gấp từ 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân của cả nước. Các đảo có người dân sinh sống có hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đầy đủ, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục...

- *Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển:* Tiếp cận, tận dụng tối đa thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến và thuộc nhóm nước dẫn đầu trong ASEAN, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ biển đạt trình độ tiên tiến, hiện đại trên thế giới. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, hình thành đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ biển có năng lực, trình độ cao.

- *Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng:* Đánh giá được tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng. Tối thiểu 50% diện tích vùng biển Việt Nam được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1: 500.000 và điều tra tỷ lệ lớn ở một số vùng trọng điểm. Thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số hóa về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển; tiên phong trong khu vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương. Ở các tỉnh, thành phố ven biển, 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường. Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển,

ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; phục hồi diện tích rừng ngập mặn ven biển tối thiểu bằng mức năm 2000. Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, quan trắc, giám sát môi trường biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bao gồm cả thông qua việc ứng dụng công nghệ vũ trụ và trí tuệ nhân tạo, đạt trình độ ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực. Có biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển.

Có thể nói rằng, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã kế thừa được những quan điểm về phát triển kinh tế biển và các lĩnh vực khác liên quan đến biển đã ban hành trước đó, đặc biệt chú trọng phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hòa giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Gắn bảo vệ môi trường biển với phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, sự cố môi trường, tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu. Trong chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, phần phát triển kinh tế biển gắn chặt với bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh

học biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai là một trong những nội dung chủ yếu nhất. Bên cạnh các chủ trương phát triển bền vững kinh tế biển, công việc quan trọng nhất hiện nay đối với kinh tế hải đảo là phải xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết về phát triển kinh tế hải đảo, từ đó đưa ra những chính sách và biện pháp quản lý phù hợp. Chúng ta cần tiến hành xây dựng chiến lược phát triển kinh tế hải đảo gắn với an ninh - quốc phòng; cần nghiên cứu để xác định các nhóm đảo dành cho quốc phòng, nhóm đảo cho phát triển dân sự gắn với quốc phòng và nhóm đảo thuần về dân sự. Đồng thời, Nhà nước cần có chính sách riêng cho hệ thống đảo và từng hòn đảo, nhắm đến thu hút đầu tư, mở cửa cho cả nhà đầu tư nước ngoài, áp dụng những tiến bộ khoa học - công nghệ cho các lĩnh vực kinh tế biển, trong đó có việc giải quyết nguồn nước ngọt, sử dụng các nguồn năng lượng gió, mặt trời...

Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 xác định, kinh tế biển là mũi nhọn, nhằm đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực, công nghệ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhưng chúng ta chỉ có thể phát triển kinh tế biển bền vững khi quản lý, giữ gìn, bảo vệ tốt môi trường biển; khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải đi cùng bảo vệ, tái tạo để hạn chế ô nhiễm môi trường cũng như biến động thiên tai.

Như vậy, cho đến nay, các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước đã được xác định và định hình khá rõ ràng về việc phát triển kinh tế biển Việt Nam trong giai đoạn chiến lược đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Cần tìm hiểu thực trạng phát triển kinh tế biển trong thời gian qua để có những đề xuất giải pháp thực hiện cụ thể hiệu quả các định hướng trên.

4. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN VỪA QUA

4.1. Những vấn đề về kinh tế - xã hội

Trong những năm vừa qua, kinh tế biển đã và đang được Việt Nam quan tâm và có nhiều chính sách ưu đãi kích thích phát triển. Theo ước tính, quy mô kinh tế (GDP) biển và vùng ven biển Việt Nam bình quân đạt khoảng 47-48% GDP cả nước, trong đó GDP của kinh tế “thuần biển” đạt khoảng 20-22% tổng GDP cả nước. Trong các ngành kinh tế biển, đóng góp của các ngành kinh tế diễn ra trên biển chiếm tới 98%, chủ yếu là khai thác dầu khí, hải sản, hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển), du lịch biển. Các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới khai thác biển như đóng và sửa chữa tàu biển, chế biến dầu khí, chế biến thủy hải sản, thông tin liên lạc,... bước đầu phát triển, nhưng hiện tại quy mô còn rất nhỏ bé (chỉ chiếm khoảng 2% kinh tế biển và 0,4% tổng GDP cả nước) (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2020). Các

hình thức phát triển kinh tế biển vẫn dựa vào khai thác tài nguyên, việc kiến tạo và xây dựng chiến lược tổng thể phát triển kinh tế bền vững chưa được thực hiện hiệu quả.

Mặc dù đã có sự khởi sắc và đầu tư mạnh mẽ hơn trong thời gian gần đây, kinh tế trên một số đảo đã có bước phát triển nhờ chính sách di dân và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên các đảo (hệ thống giao thông, mạng lưới điện, cung cấp nước ngọt, trường học, bệnh viện...) nhưng có thể nhận định một cách khái quát rằng, sự phát triển của kinh tế biển còn quá nhỏ bé và nhiều yếu kém. Quy mô kinh tế biển Việt Nam chỉ đạt khoảng hơn 10 tỷ USD; trong khi sản lượng kinh tế biển của thế giới ước 1.300 tỷ USD, Nhật Bản là 468 tỷ USD, Hàn Quốc là 33 tỷ USD. Cơ sở hạ tầng các vùng biển, ven biển và hải đảo còn yếu kém, lạc hậu. Hệ thống cảng biển nhỏ bé, manh mún, thiết bị nhìn chung còn lạc hậu và chưa đồng bộ nên hiệu quả thấp. Các chỉ tiêu hàng thông qua cảng trên đầu người rất thấp so với các nước trong khu vực (chỉ bằng 1/140 của Singapore, 1/7 của Malaysia và 1/5 của Thái Lan) (Huỳnh Văn Đăng, 2018).

Đến nay, Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện đường bộ cao tốc chạy dọc theo bờ biển, nối liền các thành phố, khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển thành một hệ thống kinh tế biển liên hoàn. Các sân bay ven biển và trên một số đảo nhỏ. Các thành phố, thị trấn, khu kinh tế, khu công nghiệp ven

biển còn nhỏ bé, đang trong thời kỳ bắt đầu xây dựng. Hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực cho kinh tế biển, các cơ sở quan trắc, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai, các trung tâm tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn... còn nhỏ lẻ, trang bị thô sơ.

Ngành du lịch và các dịch vụ du lịch biển Việt Nam có một tiềm năng kinh doanh lớn. Vùng biển và ven biển tập trung tới 3/4 khu du lịch tổng hợp và 10/17 khu du lịch chuyên đề. Tuy nhiên, ngành du lịch biển vẫn thiếu những sản phẩm dịch vụ biển - đảo đặc sắc có tính cạnh tranh cao so với khu vực và quốc tế, chưa có khu du lịch biển tổng hợp đạt trình độ quốc tế. Nhiều nơi, các hoạt động du lịch còn mang tính chất lẻ tẻ, tự phát, các hiện tượng kinh doanh chộp giật vẫn diễn ra ở một số nơi làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh du lịch Việt Nam trong mắt du khách trong và ngoài nước.

Đối với các lĩnh vực kinh tế liên quan trực tiếp đến biển như lọc dầu, khí; chế biến thủy hải sản, đóng và sửa chữa tàu biển, sản xuất muối biển công nghiệp, các dịch vụ kinh tế biển và ven biển (như thông tin, tìm kiếm cứu nạn hàng hải, dịch vụ viễn thông công cộng biển trong nước và quốc tế, nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, xuất khẩu thuyền viên,...) hiện chủ yếu mới ở mức đang bắt đầu xây dựng, hình thành và quy mô nhỏ. Khai thác hải sản và nuôi thủy sản nước lợ vốn là lĩnh vực kinh tế đặc trưng của biển

đã đóng góp khoảng hơn 3 tỷ USD trong tổng giá trị thủy sản xuất khẩu (năm 2008) và tạo việc làm cho hơn 1 triệu lao động đánh cá trực tiếp, nuôi thủy sản và 50 vạn lao động dịch vụ liên quan (Huỳnh Văn Đăng, 2018).

Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 10 năm qua (2008-2017), tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của các địa phương ven biển tăng trưởng bình quân 7,5%/năm, cao hơn so với nhịp tăng trưởng chung của cả nước (cả nước tăng 6%/năm). Năm 2017, GRDP của các địa phương ven biển chiếm 60,5% GDP cả nước, GRDP bình quân đầu người đạt 64,9 triệu đồng, cao hơn so với mức bình quân cả nước đạt 53,5 triệu đồng. Trong đó, một số địa phương có mức GRDP bình quân đầu người đạt cao như Bà Rịa-Vũng Tàu (đạt hơn 225 triệu đồng), Quảng Ninh (đạt hơn 90 triệu đồng), Đà Nẵng (đạt hơn 70 triệu đồng). Hiện nay, các địa phương ven biển đều tích cực thu hút đầu tư xây dựng và phát triển nhiều khu, điểm du lịch ven biển mới và hiện đại, thu hút số lượng lớn khách du lịch trong nước, quốc tế. Khá nhiều dự án đầu tư khu du lịch biển, đảo cao cấp, khu du lịch thể thao, giải trí ven biển có số vốn từ 500 triệu USD đến 1 tỷ USD (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2020).

4.2. Những vấn đề đặt ra đối với môi trường

Bên cạnh sự phát triển về kinh tế, do các hoạt động khai thác tài nguyên biển chưa thực sự chuyên nghiệp,

khoa học và tính manh mún, tầm nhìn ngắn hạn dẫn đến nhiều vấn đề về môi trường đang đặt ra cần phải được bảo vệ.

Tài nguyên và môi trường biển đã đóng góp phần quan trọng cho những thành tựu chung của đất nước, nhưng cũng đang phải đối mặt với suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và mất cân bằng sinh thái, sụt giảm năng suất sinh học. Hoạt động dân cư ven biển phát sinh nhiều loại chất thải ra môi trường và thải đổ vào biển qua hệ thống sông ngòi, kênh rạch. Lượng chất thải này liên tục gia tăng, mạnh nhất là ở các đô thị ven biển, nơi tập trung các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và thu hút lao động từ các tỉnh, thành phố trong cả nước. Vấn đề thu gom, xử lý chất thải vùng ven biển tuy đã được các cấp, các ngành và chính quyền địa phương quan tâm nhưng chưa được đầu tư đúng mức. Trong các loại chất thải, chất thải khó xử lý nhất là chất thải rắn. Chất thải rắn không được thu gom, xử lý triệt để đã gây ảnh hưởng chất lượng nước biển, đời sống dân cư vùng ven biển và gây thiệt hại cho những ngành kinh tế gắn với biển.

Ngành khai khoáng và luyện kim cũng gây ảnh hưởng lớn đến môi trường. Các chất thải từ các mỏ than (khoảng 150 triệu m³/năm) với độ axit cao (độ pH của nước thải mỏ dao động từ 3,0-6,5) gây bồi lấp, làm mất nguồn thủy sinh, suy giảm chất lượng nước. Những bãi thải tại Quảng Ninh, nhất là khu vực gần vịnh Hạ Long và vịnh Bái

Từ Long gây ô nhiễm và ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường biển tại các vùng này (Tạp chí Quốc phòng toàn dân, 2016). Đối với ngành khai thác dầu khí, nguy cơ tràn dầu trong quá trình khai thác, sang tải, vận chuyển dầu và ô nhiễm các chất độc hại tương đối cao. Đặc biệt, trong thời gian vừa qua, vụ xả thải của Công ty Formosa làm cá chết hàng loạt đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường biển, du lịch cũng như đời sống ngư dân của một số tỉnh miền Trung.

Một vấn đề rất được quan tâm nữa là tính đa dạng sinh học trong môi trường biển. Đa dạng sinh học biển Việt Nam đang là chỗ dựa quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngoài những nguồn lợi tính được như nguồn lợi thủy sản, du lịch biển..., đa dạng sinh học còn mang lại lợi ích to lớn khác như: chức năng dịch vụ của các hệ sinh thái biển, ven biển (chống xói lở, điều tiết nước, xử lý ô nhiễm...). Tuy nhiên, hiện nay mối đe dọa đối với đa dạng sinh học biển Việt Nam đang tăng lên cùng với sự gia tăng dân số và mở rộng các hoạt động kinh tế, khai thác biển. Diện tích rừng ngập mặn đang giảm nhanh. Từ 1945 đến 2015, diện tích rừng ngập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giảm từ hơn 154 nghìn ha xuống còn khoảng 14 nghìn ha, bình quân mất khoảng ba nghìn ha/năm. Rừng ngập mặn thuộc tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng cũng bị chặt phá hàng loạt cho mục

đích khai hoang, lấn biển. Hàng ngàn ha rừng ngập mặn khu vực Yên Mỹ, Đồng Rui, Cái Dăm (Quảng Ninh); Đình Vũ, Tiên Lãng (Hải Phòng) đã được khoanh bao làm đầm nuôi thủy sản. Đặc biệt, tại Đồng bằng sông Cửu Long, vì lợi ích kinh tế, nhân dân địa phương đã phá cả rừng tự nhiên và rừng trồng sau chiến tranh để làm đầm nuôi tôm quảng canh, làm cho rừng bị suy thoái nghiêm trọng. Diện tích khoanh nuôi chiếm 50-80% diện tích rừng ngập mặn phân bố ở bãi triều cao (Tạp chí Quốc phòng toàn dân, 2016).

Phương thức đánh bắt hủy diệt, phát triển kinh tế và các ngành nghề một cách bất hợp lý, cùng với nhận thức hạn chế của con người đã làm suy giảm tính đa dạng sinh học biển. Đánh giá của một số nhà khoa học cho thấy trong vòng 50 năm gần đây, các rạn san hô đã bị giảm sút cả về chất lượng và độ che phủ. Riêng ở vùng biển miền Bắc, diện tích rạn san hô đã giảm đến gần 50%. Theo dõi sự phát triển của rạn san hô phía đông bắc đảo Bạch Long Vĩ trong thời gian 1993-2015 cho thấy có sự suy giảm rất nhanh, năm 1993 độ phủ đạt tới 95%, năm 1996 còn khoảng 47,6%, năm 1999 độ phủ còn 20% và đến năm 2015 chỉ còn hơn 16% (Tạp chí Quốc phòng toàn dân, 2016).

Một trong những nguyên nhân khác làm ảnh hưởng tiêu cực môi trường biển và làm diễn biến môi trường biển ngày càng trở nên phức tạp, đó là sự cố tràn dầu diễn ra khá thường xuyên

tại các vùng bờ biển Việt Nam, với hơn 100 vụ tràn dầu do tai nạn tàu từ năm 1990 tới nay, làm đổ ra biển từ vài chục đến hàng trăm tấn dầu, gây ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế và môi trường. Thêm vào đó, các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, hoạt động của tàu thuyền đánh cá, đặc biệt là tàu thuyền nhỏ với thiết bị máy móc lạc hậu và không lắp đặt thiết bị phân ly dầu nước cũng là một trong những nguồn gây ô nhiễm dầu ở biển. Khi sự cố ô nhiễm dầu xảy ra, các hệ sinh thái bị ảnh hưởng nghiêm trọng, bị suy giảm sức chống đỡ, tính linh hoạt và khả năng khôi phục, đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn, cỏ biển, vùng triều bãi cát, đầm phá và các rạn san hô.

5. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI

Để phát triển bền vững kinh tế biển góp phần thực hiện mục tiêu đã được Đảng đề ra cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau đây:

5.1. Nhóm giải pháp về kinh tế, xã hội

Một là, đổi mới tư duy, nhận thức về phát triển kinh tế biển. Kinh tế biển có vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế, xã hội nước ta. Thế kỷ XXI là thế kỷ tiến ra đại dương nên Việt Nam cần thực sự quan tâm và nỗ lực đầu tư cho phát triển kinh tế biển. Cần thay đổi từ tư duy khai thác sang tư duy phát triển bền vững kinh tế biển; phát triển kinh tế biển phải gắn chặt chẽ với vấn đề quốc phòng, an

ninh; gắn phát triển kinh tế trên đất liền với phát triển kinh tế biển; xây dựng và phát triển văn hóa biển, văn hóa hướng ra đại dương trong cả cộng đồng và mỗi người dân đất Việt.

Hai là, đổi mới quy hoạch phát triển kinh tế biển, đảo. Hiện nay trong phát triển kinh tế biển, đảo vẫn còn tình trạng phân tán, khép kín, thậm chí là biệt lập giữa các ngành, các địa phương, thể hiện rõ nhất qua tình trạng phát triển thiếu quy hoạch tổng thể của cả nước về xây dựng cảng biển, nhà máy lọc dầu, khu công nghiệp, cảng hàng không... Hiện tượng này đã được đề cập nhiều và từ lâu nhưng ít có sự thay đổi. Tuy nhiên trong điều kiện và tình hình quốc tế cũng như trong nước hiện nay, tình trạng nói trên cần được nhanh chóng và kiên quyết khắc phục, nếu như Việt Nam muốn có sự phát triển nhanh và bền vững nói chung, phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển, đảo nói riêng. Những việc cần tập trung giải quyết là:

- Xây dựng quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế biển, đảo trong cả nước, trong đó có xây dựng quy hoạch các trung tâm phát triển hướng ra biển và các khu vực biển, đảo có khả năng đột phá trong phát triển kinh tế đất nước như Móng Cái, Vân Đồn, Nghi Sơn, Vũng Áng, Đà Nẵng, Dung Quất - Chu Lai, Vân Phong, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý (hiện đã thực hiện ở một số nơi).

- Công tác quy hoạch phải trên cơ sở của kinh tế thị trường và đặt trong

điều kiện hội nhập sâu rộng của Việt Nam; có tầm nhìn dài hạn, hiện đại, theo những tiêu chuẩn phù hợp với quốc tế và khu vực.

- Trong quy hoạch nói chung, quy hoạch phát triển kinh tế biển, đảo nói riêng, cần quán triệt quan điểm coi vùng duyên hải gắn với kinh tế biển, đảo là vùng động lực để mở cửa, thúc đẩy phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đẩy mạnh phát triển những cơ sở công nghiệp chế biến các sản phẩm từ biển, các dịch vụ cảng biển, dịch vụ biển.

- Phải tiến hành một cách có hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý quy hoạch (xây dựng và thực hiện) nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa, bền vững và đúng định hướng, tránh tình trạng cạnh tranh không cần thiết (cạnh tranh xuống đáy) giữa các ngành và đặc biệt là giữa các địa phương ven biển.

Ba là, thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế ven biển.

- Tập trung đầu tư mạnh cho phát triển kinh tế các tỉnh ven biển, đặc biệt là kết cấu hạ tầng, các khu công nghiệp, cảng biển, các cơ sở sản xuất. Tập trung đầu tư đủ mức, đồng bộ và dứt điểm để sớm đưa vào hoạt động, phát huy cao nhất năng lực khai thác và đạt hiệu quả cao.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư cho phát triển kinh tế vùng ven biển. Khuyến khích các hình thức đầu tư phát triển kinh tế biển, kể cả các công trình thuộc kết cấu hạ tầng lớn

như cảng biển, đường giao thông, các khu đô thị, khu công nghiệp... của mọi loại hình sở hữu, bao gồm cả hình thức BOT, BT...

Bốn là, hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh ở mỗi vùng, miền

- Ở vùng biển phía Bắc, cần đẩy mạnh phát triển khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, các khu kinh tế Hải Hà, Vân Đồn, nối với Hạ Long, Hải Phòng và xây dựng tuyến đường cao tốc ven biển vùng Đông bằng Bắc Bộ, tạo ra một sức bật mới, mạnh mẽ của cả vùng.

- Vùng biển miền Trung, cần tập trung phát triển Đà Nẵng, Dung Quất, Chu Lai, cảng Vân Phong, Nha Trang... hình thành hệ thống trung tâm phát triển kinh tế biển mạnh của miền Trung.

- Vùng biển phía Nam lấy việc phát triển Phú Quốc thành trung tâm giao thương quốc tế, trở thành trung tâm du lịch sinh thái đảo - biển lớn của cả nước và khu vực, để cùng với Vũng Tàu, Rạch Giá, Trường Sa thành những trung tâm hạt nhân phát triển các lĩnh vực của vùng liên quan đến biển.

Năm là, có chính sách khuyến khích người dân ra biển làm kinh tế. Trong những năm tới đây cần có các chính sách tạo điều kiện thuận lợi, thu hút mạnh mẽ nhân dân ra làm ăn, sinh sống lâu dài trên các đảo và lao động dài ngày trên biển nhằm vừa phát triển kinh tế, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của quốc gia.

Sáu là, có chính sách đảm bảo an toàn, an ninh cho các hoạt động kinh tế biển.

- Đầu tư cho hệ thống dự báo thời tiết khí hậu, nhất là bão, sóng thần, hình thành các trung tâm tránh bão, các trung tâm quan sát và cung cấp thông tin cho người dân hoạt động trên biển cũng như người dân các tỉnh ven biển.

- Hình thành lực lượng đủ mạnh để hỗ trợ một cách tích cực, có hiệu quả cao cho ngư dân khi gặp nạn. Bảo đảm cho mọi lực lượng hoạt động trên biển được an toàn, an ninh. Đồng thời, cần chú trọng phát triển các hoạt động bảo hiểm cho lĩnh vực kinh tế biển.

- Đầu tư cho các hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển. Phối hợp, kết hợp mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường. Chủ động xây dựng các phương án chuẩn bị sẵn sàng lực lượng hoạt động ứng phó theo từng khu vực, từng tính chất vụ, việc. Tổ chức thu nhận, xử lý thông tin báo nạn kịp thời, ưu tiên bảo đảm thông tin cho hoạt động ứng phó, báo cáo kịp thời đến cấp có thẩm quyền khi xét thấy tình huống vượt quá khả năng của lực lượng ứng cứu. Chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng, phương tiện hoạt động trên biển tham gia cứu nạn khi có tình huống.

Bảy là, hoàn thiện pháp luật, đổi mới bộ máy quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện có kết quả cơ chế phối hợp trong quản lý biển, đảo. Trong

những năm tới đây, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển, đảo, nhằm khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ và chồng chéo hiện nay; đi đôi với đó là cần chú trọng đổi mới, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về biển, đảo theo hướng hình thành sự quản lý tổng hợp, thống nhất biển, đảo nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững kinh tế biển, đảo. Sự liên kết, hợp tác giữa các tỉnh, thành phố có biển, đảo trong cả nước bằng những chương trình hành động cụ thể dựa trên từng lợi thế so sánh, trong tất cả các hướng chiến lược và kế hoạch của từng bước đi là việc tất yếu, là sự sống còn. Phối hợp hành động là một điểm yếu của Việt Nam. Do vậy, bên cạnh việc xác định rõ ràng và thực hiện đầy đủ và đúng các chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan thì việc phối hợp có hiệu quả giữa các cấp, các ngành là điều đặc biệt cần thiết. Muốn vậy cần xây dựng được cơ chế phối hợp đồng bộ từ trung ương đến địa phương, giữa các ngành với nhau, giữa các ngành và các địa phương, giữa các địa phương với nhau. Ngoài ra cũng cần khuyến khích và tạo điều kiện cho sự phối hợp giữa các doanh nghiệp, các tổ chức và người dân trong việc thực hiện phát triển bền vững kinh tế biển, đảo.

Tám là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực cho phát triển bền vững kinh tế biển, đảo. Nhân lực có chất lượng thực sự là nhân tố quyết định sự thành công của việc phát triển bền

vững các ngành kinh tế biển, đảo, đặc biệt trong những ngành mũi nhọn như: công nghiệp tàu thủy, khai thác dầu khí trên biển, công nghệ lọc hóa dầu, kinh tế hải đảo, thông tin liên lạc biển, bảo vệ môi trường sinh thái biển... Hiện nay quy mô cũng như chất lượng đào tạo nhân lực cho các ngành nghề liên quan tới kinh tế biển còn rất hạn chế. Chính vì vậy, cần tập trung vào việc rà soát, dự báo dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực; tổ chức đào tạo những ngành mới có nhu cầu cao trên cơ sở cân đối tỷ lệ đào tạo theo bậc và ngành nghề; đa dạng hóa phương thức và quy mô đào tạo để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế biển, đảo. Việc đào tạo cần bám sát chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng cũng phải đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Chín là, cần chú trọng tới vấn đề an sinh xã hội. Đây là vấn đề rất quan trọng, vừa là nền tảng, vừa là mục tiêu và động lực đối với lộ trình hướng ra biển một cách có hiệu quả. Để đảm bảo an sinh xã hội, trước hết cần đổi mới chính sách đầu tư, với trọng tâm là đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở khu vực ven biển và các hải đảo; có các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để người dân ven biển và trên các hải đảo yên tâm sinh sống và sản xuất. Đẩy mạnh phát triển du lịch ven biển, biển và hải đảo. Chú trọng phát triển giáo dục, y tế tại các địa bàn sâu, xa tại vùng ven biển và hải đảo. Tăng cường sự gắn bó giữa các tầng lớp dân cư vùng biển, đảo với các lực

lượng vũ trang, trực tiếp là bộ đội biên phòng để giúp nhau sản xuất, nâng cao đời sống văn hóa, tạo dựng thế trận lòng dân vững chắc bảo vệ vùng biển, đảo của Tổ quốc.

5.2. Nhóm giải pháp về môi trường

Nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, ngoài các giải pháp từ góc độ kinh tế - xã hội, các giải pháp trực diện gắn với hoạt động bảo vệ môi trường biển được coi là một trong 3 mục tiêu song trùng. Để triển khai tốt nhóm giải pháp này, Nhà nước cần bảo vệ môi trường biển - đảo cùng với sự phát triển bền vững luôn phải được xác định là một định hướng chiến lược quan trọng hàng đầu trong công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế biển - đảo là động lực thúc đẩy các vùng khác cùng phát triển; kinh tế biển - đảo là “hạt nhân” tạo sự chuyển biến cơ bản và toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển - đảo và bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, tái tạo và phát triển các nguồn tài nguyên biển, đảm bảo sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội và môi trường sống của vùng biển, ven biển và các hải đảo.

Ngoài ra, dưới góc độ của công tác quản lý môi trường biển, ô nhiễm có nguồn gốc rất phức tạp, có thể phát sinh từ một nguồn, một địa điểm hoặc đa nguồn, nhiều địa điểm. Ở trường hợp thứ nhất, quản lý và xử lý nguồn phát thải là tương đối đơn giản; đối với trường hợp thứ hai sẽ phức tạp

hơn. Vì vậy, bảo vệ môi trường biển cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp, ngành, địa phương, các thành phần kinh tế và toàn dân về quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên biển; chú trọng công tác phòng ngừa, ngăn chặn kết hợp với xử lý có hiệu quả ô nhiễm, cải thiện môi trường biển, vùng ven biển.

Hai là, tăng cường thực thi Luật Bảo vệ môi trường, nhất là đối với các hành vi hủy hoại môi trường biển. Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý tổng hợp, thống nhất đối với biển và hải đảo, đảm bảo sự phát triển đa ngành, đa mục tiêu, đa lợi ích giữa Nhà nước, tư nhân, các bên liên quan và cộng đồng địa phương; hạn chế mâu thuẫn về lợi ích giữa các bên trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên - môi trường biển.

Ba là, chú trọng việc kiểm soát chặt chẽ môi trường biển, nhất là sử dụng các công cụ pháp lý liên quan trong kiểm soát, đánh giá tiêu chuẩn, tác

động môi trường; quan trắc - cảnh báo xác định các “điểm nóng” môi trường hoặc ô nhiễm để có biện pháp xử lý kịp thời.

Bốn là, Nhà nước sớm xây dựng và ban hành các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường biển, nhất là chi tiết hóa mức độ vi phạm, xử phạt; tăng cường tham vấn với các bên liên quan, tạo chuyển biến tích cực trong quản lý, bảo vệ môi trường biển, đảo của Tổ quốc.

6. KẾT LUẬN

Như chúng ta đã biết, để có thể thực hiện được đầy đủ các yếu tố của phát triển bền vững kinh tế biển đòi hỏi phải xem xét và đảm bảo nhiều yếu tố. Trong đó các yếu tố cơ bản là: kinh tế; xã hội và môi trường. Phát triển kinh tế biển khi đảm bảo hài hòa lợi ích đầy đủ cả 3 vấn đề trên và thêm vào đó, việc khai thác phát triển của thể hệ hiện tại không làm phương hại đến nguồn lợi và sự phát triển của các thế hệ mai sau. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phát triển bền vững kinh tế biển của Việt Nam trong những năm tiếp theo. □

CHÚ THÍCH

Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài “*Thực hiện quy hoạch không gian biển Việt Nam: Nhân tố tác động và một số đề xuất*” do PGS.TS. Vũ Tuấn Hưng làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. 2020. *Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020*. Hà Nội.
2. Drexhage, J. and Murphy, D. 2010. “Sustainable Development: From Brundtland to Rio 2012”, in United Nations Headquarters. *1st Meeting by the High Level Panel on Global*

Sustainability. New York: United Nations.

3. Tạp chí Quốc phòng toàn dân. 2016. “Ô nhiễm môi trường biển và các biện pháp bảo vệ”. <http://tapchiquptd.vn/vi/bien-dao-viet-nam>, truy cập ngày 13/10/2016.
4. Hội nghị lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X). 2007. Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP: Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Hà Nội.
5. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII). 2018. Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hà Nội.
6. Huỳnh Văn Đăng. 2018. *Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại tỉnh Bình Định*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại.
7. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2014. “Luật Bảo vệ môi trường”. 2014 <https://luatvietnam.vn/tai-nguyen/luat-bao-ve-moi-truong-2020-195564-d1.html>, truy cập ngày 15/7/2021.
8. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2012. *Luật Biển Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
9. Trần Nguyễn Tuyên. 2006. *Phát triển bền vững - kinh nghiệm quốc tế và định hướng giải pháp đối với Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Đại học Đà Nẵng.